

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ THƯƠNG MẠI & DU LỊCH QUỐC TỘ

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ THƯƠNG MẠI & DU LỊCH QUỐC TỘ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUOC TO TOURISM & TRADE TECHNOLOGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QT GROUP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109942834

3. Ngày thành lập: 24/03/2022

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô A1.4C, Tầng 1 Tháp A tòa nhà Golden Place, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02437588383

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                 | 4632     |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                   | 4633     |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                               | 4641     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh | 4649     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                       | 8220     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                          | 8230     |
| 7.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                                                      | 9610     |
| 8.  | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                          | 9631     |
| 9.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                              | 6201     |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                | 6202     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Dịch vụ công nghệ thông tin<br>Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm              | 6209     |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                 | 6311     |
| 13. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                     | 6312     |
| 14. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                     | 7120     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                               | 7212        |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                               | 7310        |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                | 7320        |
| 18. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Tư vấn chuyển giao công nghệ                                                                 | 7490        |
| 19. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710        |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                    | 4711        |
| 21. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                              | 4719        |
| 22. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721        |
| 23. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722        |
| 24. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723        |
| 25. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                               | 1820        |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931        |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                | 4932        |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                          | 5229        |
| 30. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510        |
| 31. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 32. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621        |
| 33. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630        |
| 34. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                       | 5820        |
| 35. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                          | 7911        |
| 36. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                   | 7912(Chính) |
| 37. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                     | 7990        |
| 38. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761        |
| 39. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763        |
| 40. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772        |

|     |                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ)<br>trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>ĐỨC<br>PHƯƠNG | Tổ dân phố số 6,<br>Phường Ngô<br>Quyên, Thị Xã<br>Sơn Tây, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.500.0<br>00 | 15.000.000.000           | 15,000       | 0012010111<br>41                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                              | Tổng số                            | 1.500.0<br>00 | 15.000.000.000           | 15,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                             |                           |           |                |        |              |  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|--|
| 2 | TẠ MỸ HẠNH      | Phòng 209-C1, tập thể Vĩnh Hồ, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 30,000 | 012099164    |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Tổng số                   | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 30,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                             |                           |           |                |        |              |  |
| 3 | NGUYỄN ĐỨC TOÀN | Tổ dân phố số 6, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 5.500.000 | 55.000.000.000 | 55,000 | 001075001212 |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                             | Tổng số                   | 5.500.000 | 55.000.000.000 | 55,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                             |                           |           |                |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC TOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/09/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001075001212

Ngày cấp: 21/05/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố số 6, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố số 6, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội